

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-CNTT  
V/v cập nhật kết quả thực hiện  
Kế hoạch Năm dữ liệu số, phục vụ  
phiên họp lần thứ nhất năm 2024  
của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh

TP. Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi.

Theo Công văn số 267/STTTT-BCVT&CNTT ngày 07/02/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi về việc cập nhật nội dung Kết quả thực hiện Kế hoạch Năm dữ liệu số, phục vụ phiên họp lần thứ nhất năm 2024 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh; UBND thành phố cập nhật kết quả thực hiện Kế hoạch Năm dữ liệu số, phục vụ phiên họp lần thứ nhất năm 2024 của tỉnh Quảng Ngãi như sau:

**1.** Về thực hiện Quyết định số 03/QĐ-BCĐ ngày 07/6/2023 của Trưởng Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh về Kế hoạch thực hiện năm dữ liệu số, tạo lập và khai thác dữ liệu để tạo ra giá trị mới năm 2023 tỉnh Quảng Ngãi; UBND thành phố Quảng Ngãi đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ:

**1.1.** Xã Tịnh Khê và xã Tịnh Ấn Tây đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về lĩnh vực thông tin và truyền thông: Đã có Tờ trình số 332/TTr-UBND ngày 01/12/2023 về đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã Tịnh Ấn Tây đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 và Tờ trình số 361/TTr-UBND ngày 18/12/2023 về đề nghị thẩm định, xét, công nhận xã Tịnh Khê đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023; Đến nay, chưa được UBND tỉnh công nhận.

**1.2.** Việc triển khai “Ứng dụng quản lý hạ tầng đô thị, quy hoạch đô thị thành phố Quảng Ngãi trên nền bản đồ số”: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng chính thức với tên miền: <https://quyhoach.thanhpho.quangngai.gov.vn>. kể từ ngày 05/01/2024.

**1.3.** Triển khai tiêu chí bình quân cả nước về hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng (trên 87% theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/1/2023 của Chính phủ): Theo kết quả thống kê tại 23 xã, phường thuộc thành phố Quảng Ngãi có: 73.815 hộ, trong đó có 65.334 hộ sử dụng đường Internet cáp quang băng rộng, đạt tỷ lệ 88,51%, đảm bảo đạt chỉ tiêu đặt ra theo Nghị quyết 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ (có Phụ lục Thống kê số liệu kèm theo).

**2.** Về nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024:

**2.1.** Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy khóa XX về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND thành phố đã tham mưu Thành ủy

Quảng Ngãi ban hành Chương trình hành động số 52-CTr/TU ngày 17/11/2023 về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và hiện nay, UBND thành phố đang xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 52-CTr/TU ngày 17/11/2023 của Thành ủy Quảng Ngãi.

**2.2.** Các nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, Chuyển đổi số: UBND thành phố đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 30/01/2024 chuyển đổi số năm 2024.

UBND thành phố phúc đáp nội dung trên đề Sở Thông tin và Truyền thông Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND TP;
- C, PVP HĐND&UBND TP;
- Phòng VH&TT TP;
- Lưu: VT, VH<sub>TT</sub>(Tr).

**CHỦ TỊCH**

**Trà Thanh Danh**

**PHỤ LỤC**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU HỘ GIA ĐÌNH CÓ ĐƯỜNG TRUYỀN**  
**INTERNET CẤP QUANG BẰNG THÔNG RỘNG**  
*(kèm theo Công văn số /UBND-CNTT ngày /02/2024 của*  
*UBND thành phố Quảng Ngãi)*

STT	Xã, phường	Tổng số hộ gia đình	Số hộ có sử dụng đường truyền Internet cấp quang	Tỷ lệ %
A	B	C	D	
1	Phường Nguyễn Nghiêm	1.596	1.281	80,26%
2	Phường Trần Hưng Đạo	2.085	1.891	90,70%
3	Phường Trần Phú	4.208	3.598	85,50%
4	Phường Quảng phú	6.133	6.000	97,83%
5	Phường Nghĩa Lộ	5.413	4.779	88,29%
6	Phường Chánh Lộ	4.337	3.660	84,39%
7	Phường Nghĩa Chánh	4.661	4.509	96,74%
8	Phường Lê Hồng Phong	2.884	2.797	96,98%
9	Phường Trương Quang Trọng	4.438	4137	93,22%
10	Xã Nghĩa Đồng	2.898	2.204	76,05%
11	Xã Nghĩa Hà	4.300	3.937	91,56%
12	Xã Nghĩa Phú	1.891	1.690	89,37%
13	Xã Nghĩa An	4.744	4.190	88,32%
14	Xã Nghĩa Dũng	2.246	1.941	86,42%
15	Xã Tịnh Ấn Tây	2.771	2.494	90,00%
16	Xã Tịnh Ấn Đông	1.875	1.152	61,44%
17	Xã Tịnh An	2.356	2.086	88,54%
18	Xã Tịnh Châu	1.616	1.503	93,01%
19	xã Tịnh Long	2.055	1.992	96,93%
20	Xã Tịnh Khê	3.503	2.892	82,56%
21	Xã Tịnh Kỳ	2.516	2.438	96,90%
22	Xã Tịnh Hòa	2.977	2.545	85,49%
23	Xã Tịnh Thiện	2.312	1.618	69,98%
	<b>Tổng</b>	<b>73.815</b>	<b>65.334</b>	<b>88,51%</b>